

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH NGHỆ AN

Số 146 /TB-LĐLĐ

Biểu số 02/CK-TLĐ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghệ An, ngày 20 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai dự toán thu, chi tài chính công đoàn
Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An - Năm 2022

Thực hiện Hướng dẫn số 42/HD-TLĐ ngày 11/11/2021 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc hướng dẫn công khai tài chính, tài sản công đoàn;

Căn cứ Thông báo số 522/TB-TLĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về thông báo giao dự toán thu, chi tài chính công đoàn năm 2022;

Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An Thông báo công khai dự toán thu, chi tài chính công đoàn năm 2022 như sau:

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Mã số	Tổng hợp dự toán	Chia ra			
				CĐCS	CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở	Đơn vị sự nghiệp	LĐLĐ tỉnh, TP và tương đương
A	B	C	1=2+3+4+5	2	3	4	5
I	TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY ĐẦU KỲ	10	56,000	19,000	17,000	-	20,000
1.1	Quỹ đầu tư cơ sở vật chất	10.1	7,400		3,400	-	4,000
1.2	Quỹ hoạt động thường xuyên	10.2	37,500	19,000	8,500	-	10,000
1.3	Quỹ bảo vệ người lao động	10.3	11,100	-	5,100	-	6,000
II	PHẢN THU	20	434,503	208,091	199,620	-	26,792
2.1	Thu đoàn phí Công đoàn	22	80,235	80,235	-	-	-
	a- Khu vực HCSN	22.01	55,620	55,620			
	b- Khu vực SXKD	22.02	24,615	24,615			
2.2	Thu kinh phí Công đoàn	23	168,568	-	166,750	-	1,818
	a- Khu vực HCSN	23.01	111,619		110,331		1,288

	b- Khu vực SXKD	23.02	55,234		54,704		530
	c- Đơn vị chưa thành lập CĐCS	23.03	1,715		1,715		
2.3	Ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ	24	2,000		1,500		500
2.4	Các khoản thu khác	25	3,000	3,000			
	a- Chuyên môn hỗ trợ	25.01	2,000	2,000			
	b- Thu khác	25.02	1,000	1,000			
	CỘNG THU TCCĐ		253,803	83,235	168,250	-	2,318
2.5	Tài chính công đoàn cấp trên cấp	28	138				138
	a- KPCĐ cấp trên cấp theo phân phối đơn vị trực tiếp báo cáo QT	28.01.01	138				138
	b- KPCĐ cấp trên cấp theo phân phối đơn vị không trực tiếp báo cáo QT	28.01.02	124,856	124,856			
	c- TCCĐ cấp trên cấp hỗ trợ đơn vị trực tiếp báo cáo QT	28.02.01	-				-
	d- TCCĐ cấp trên cấp hỗ trợ đơn vị không trực tiếp báo cáo QT	28.02.02	1,000			1,000	
2.6	ĐPCĐ, KPCĐ cấp dưới nộp lên	29	55,706		31,370		24,336
2.7	Nhận bàn giao tài chính Công đoàn	40	-				
	TỔNG CỘNG THU		434,503	208,091	199,620	-	26,792
III	PHẦN CHI		428,270	208,015	194,581	1,000	25,674
3.1	Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo đoàn viên và NLD	31	119,717	94,340	16,637		8,740
3.2	Chi tuyên truyền đoàn viên, NLD	32	35,165	31,285	2,800		1,080
3.3	Chi quản lý hành chính	33	29,411	18,771	8,330		2,310
3.4	Chi lương, phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương	34	45,673	21,663	18,050	1,000	4,960
	a- Lương cán bộ trong biên chế	34.01	-				
	b- Phụ cấp cán bộ công đoàn	34.02	-				
	c- Các khoản phải nộp theo lương	34.03	-				
3.5	Chi hoạt động của đơn vị chưa thành lập CĐCS	35	1,300		1,300		
3.6	Chi khác	37	10,221	10,221			
	CỘNG CHI TCCĐ		240,488	176,281	47,117	1,000	17,090
3.7	Tài chính công đoàn cấp cho cấp dưới	38	125,856	-	123,492	-	2,364
	a- KPCĐ cấp cho cấp dưới theo phân phối	38.01	124,856		123,492		1,364
	b- TCCĐ cấp hỗ trợ cho cấp dưới	38.02	1,000				1,000
3.8	ĐPCĐ, KPCĐ phải nộp cấp trên quản lý trực tiếp	39	61,926	31,734	23,972	-	6,220
	a- Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	39.01	6,220				6,220
	b- Đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	39.02	55,706	31,734	23,972		

3.9	Cấp trả kinh phí cho đơn vị khi thành lập CĐCS	41	-				
3.10	Bàn giao tài chính Công đoàn	42	-				
	TỔNG CỘNG CHI		429,270	208,015	194,581	1,000	25,674
VI	KINH PHÍ DỰ PHÒNG	70	3,712		2,712		1,000
V	TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY CUỐI KỲ (V=I+II-III)	50	58,521	19,076	19,327		20,118
VI	KINH PHÍ DỰ PHÒNG	70	3,712		2,712		1,000

Nơi nhận:

- UV BCH Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Lưu VT, TC/LĐLĐ.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

Kha Văn Tám